

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn thời gian bố trí vốn đối với các dự án trong Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa, đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 705/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 13871/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc đề nghị giao kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian bố trí vốn đối với các dự án trong kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công năm 2024.

(Chi tiết các dự án có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các chủ đầu tư xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ và giải ngân đối với từng dự án do đơn vị mình quản lý để tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành dự án theo thời gian quy định; đồng thời, có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn được giao đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành mình; đồng thời, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện thuận lợi để các chủ đầu tư thực hiện dự án, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh

**Phụ lục: GIA HẠN THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
TỈNH THANH HÓA ĐÃ QUÁ THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C KHOẢN 3 ĐIỀU 57 LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Gia hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi xã Minh Tâm, huyện Thiệu Hóa (nay đổi tên dự án thành Đường giao thông Nam sông Chu, đoạn từ xã Thiệu Văn đi thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa).	Xã Thiệu Văn, Minh Tâm	7928900	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1368/QĐ-UBND ngày 22/4/2022; Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 31/5/2024; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	187.168	151.937	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
2	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Xã Thiệu Toán, Thiệu Trung	7969263	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	281/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	130.000	130.000	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
3	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	Xã Như Thanh	7929157	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1867/QĐ-UBND ngày 30/5/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025; 23598/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	348.155	341.486	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Già hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	Phường Nam Sầm Sơn	7929836	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	102/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3150/QĐ-UBND ngày 25/9/2025	604.984	596.052	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
5	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	Phường Nam Sầm Sơn	7929837	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	103/QĐ-UBND ngày 09/01/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	631.862	613.862	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
6	Đường tỉnh 502 đoạn từ nút giao với đường Đình Hương - Giàng, phường Thiệu Dương đến ngã ba đi cầu phao Vồm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.	Phường Đông Tiến, Hàm Rồng	7933748; 7952638	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1114/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 2311/QĐ-UBND ngày 06/6/2024; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	117.061	100.181	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
7	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Điệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn.	Thị xã Bim Sơn (cũ)	7926729	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2211/QĐ-UBND ngày 23/6/2022; 3145/QĐ-UBND ngày 24/9/2025	268.630	256.330	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
8	Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	Các xã: Định Hòa, Định Tân	7926498	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1031/QĐ-UBND ngày 24/3/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	215.620	161.136	B	2023 - 2026	2022 - 2025	2022 - 2026	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Già hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	Xã Nga Thắng, Ba Đình	7924423	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	2389/QĐ-UBND ngày 06/7/2022; 3546/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	166.230	125.225	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2023 - 2026	2026
10	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bành thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	Xã Hậu Lộc	7928753	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2315/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	156.450	132.460	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
11	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	Xã Cẩm Thủy	7935384	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	3104/QĐ-UBND ngày 19/9/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	199.786	167.458	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
12	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.	Xã Hà Trung	7929043	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	394/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	140.000	50.400	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
13	Đường giao thông nối Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc Lộ 47B, xã Yên Trường, huyện Yên Định.	Các xã :Yên Định, Yên Trường	7926497	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	227.394	91.979	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Già hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
14	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Huyện Ngọc Lặc (cũ)	7928665	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	167.000	166.819	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
15	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	Các xã: Thọ Xuân, xã Xuân Hòa, xã Sao Vàng	7928898	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1015/QĐ-UBND ngày 22/3/2022; 2448/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	256.400	205.882	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
16	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	Huyện Ngọc Lặc (cũ)	7928666	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022; 1318/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	154.000	145.300	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
17	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn I).	Các xã: Lam Sơn, Sao Vàng	7928897	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1503/QĐ-UBND ngày 04/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	175.972	155.717	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Già hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Huyện Mường Lát (cũ)	7928907	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1167/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	110.000	110.000	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2023 - 2026	2026
19	Đường giao thông từ cầu Thăng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Các xã: Quảng Ngọc, Quảng Bình	7930644; 7998276	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.000	175.468	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
20	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	Phường Đông Quang	7913080	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.378	117.282	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2026	2026
21	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	Phường Sầm Sơn	7968736	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	5231/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 2799/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	254.924	169.322	B	2021 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
22	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn.	Phường Bim Sơn	7927534	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	335.998	188.551	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Giá hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
23	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoảng Hóa (giai đoạn 2).	Xã Hoảng Thanh	7930159	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1258/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	200.000	174.063	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
24	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (GĐ 1).	Xã Kim Tân	7931585	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	912/QĐ-UBND ngày 14/3/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	247.949	207.091	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
25	Cầu trung tâm đô thị thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước .	Xã Bá Thước	7913230; 8023980	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2850/QĐ-UBND ngày 22/8/2022	213.593	213.593	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
26	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hàn, Cô Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.	Xã Hà Lĩnh, Hà Sơn	7929044	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	4544/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; 1828/QĐ-UBND ngày 27/5/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	150.000	114.508	B	2021 - 2024	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
27	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 505, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	Các xã: Yên Thọ, Thăng Long, Công Chính	7929431	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2637/QĐ-UBND ngày 03/8/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	282.000	210.000	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Nhóm dự án	Thời gian thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư)	Thời gian bố trí vốn theo quy định	Dự kiến thời gian khởi công và hoàn thành (hoặc dự kiến thời gian thực hiện theo thực tế)	Già hạn thời gian bố trí vốn đến năm
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư/dự kiến tổng mức đầu tư hoặc giá trị quyết toán						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
28	Đường giao thông từ trung tâm xã Xuân Lẹ đi thôn Liên Sơn và thôn Xuân Sơn, huyện Thường Xuân.	Xã Xuân Chinh	7969270	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	291/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	17.192	1.560	C	2022 - 2024	2023 - 2025	2023-2026	2026
29	Đường giao thông từ xã Hà Tân đi xã Yên Dương, huyện Hà Trung	Các xã Hoạt Giang, Tổng Sơn	7941698	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	12191/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; 363/QĐ-UBND ngày 20/01/2025; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	140.000	99.101	B	2021 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026
30	Đường giao thông từ trung tâm huyện Hà Trung đến trung tâm thị xã Bim Sơn	Các xã Hà Trung, Hoạt Giang	7956094	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	1241/QĐ-UBND ngày 13/4/2022; 2732/QĐ-UBND ngày 08/7/2022; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	500.000	198.708	B	2022 - 2025	2022 - 2025	2022 - 2027	2026